**Phụ lục số 28**

**Nội dung Báo cáo hoạt động quản lý quỹ mở của Công ty quản lý quỹ**

*(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

**BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

*(Từ ngày 03/04/2019 đến ngày 30/06/2019)*

**1. Thông tin về quỹ**

a) Tên của quỹ:

 - Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF)**

- Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có) : Quỹ không giới hạn về thời gian hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) : Không áp dụng

e) Chính sách phân chia lợi nhuận: Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 10.051.088,93 đơn vị quỹ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Không

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Quỹ nhận Giấy phép lập Quỹ số 35/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 03/04/2019. Trong đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng (từ 22/11/2018 đến 08/01/2019), Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện tổ chức Đại hội Nhà đầu tư lần thứ nhất mà chỉ tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ. Kết quả thông qua được các nội dung sau:

1. Thông qua Điều lệ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ CBPF.
2. Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2019 - 2021 bao gồm:
* Ông Trịnh Thanh Cần – Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
* Ông Nguyễn Trọng Đức – Thành viên độc lập
* Bà Trần Việt Hương – Thành viên độc lập
1. Thông qua thù lao của Ban đại diện Quỹ là 5.000.000 VNĐ/người/tháng, thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi Quý.
2. Thông qua việc chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCB”) là Ngân hàng giám sát của Quỹ CBPF và thông qua Hợp đồng Giám sát và Lưu ký đã được ký kết giữa Chubb Life FMC và SCB.
3. Thông qua (i) việc chỉ định Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”) là Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng của Quỹ CBPF, (ii) việc chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCB”) là Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ của Quỹ CBPF, và (iii) Hợp đồng Đại lý chuyển nhượng đã được ký kết giữa Chubb Life FMC và VSD; Hợp đồng Quản trị quỹ đã được ký kết giữa Chubb Life FMC và SCB.
4. Thông qua việc chỉ định Công ty kiểm toán PwC là Công ty kiểm toán của Quỹ CBPF và ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn Công ty kiểm toán cho Quỹ CBPF hàng năm.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở:

1. Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “Quỹ trái phiếu là quỹ mở đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.”Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 10 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 05 năm 2019, tổng giá trị đầu tư vào giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

Tại kỳ định giá ngày 29 tháng 05 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định tại Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ cho các sai lệch phát sinh từ kỳ định giá ngày 10 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 05 năm 2019.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, do số lượng tiền đặt mua chứng chỉ Quỹ lớn, tuy nhiên Công ty Quản lý Quỹ chưa kịp thời tiến hành đầu tư dẫn tới tổng giá trị đầu tư vào giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

1. Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Trong giai đoạn từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

Quỹ bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập Quỹ 03/04/2019. Tại thời điểm báo cáo, Quỹ chỉ có Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của 03 tháng gần nhất đến thời điểm 30/06/2019 như sau:

- Danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm 30/06/2019:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài sản đầu tư** | **Giá trị đến ngày 30/06/2019** |
| Tiền mặt và các khoản tương đương tiền | 40.691.046.162 |
| Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng | 40.000.000.000 |
| Chứng chỉ tiền gửi | 20.000.000.000 |
| Tài sản khác | 758.246.576 |
| **Tổng cộng** | **101.449.292.738** |

- Giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06/2019:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2019** |
| Giá trị tài sản ròng của quỹ ngày 30/06/2019 | 101.063.414.836 |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành |  |
| * Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2019
 | 10.054,97 |
| * Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2019
 | 10.051.088,93 |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong kỳ |  |
| * Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất
 | 10.054,97 |
| * Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất
 | 9.997,36 |

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập):

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2019** |
| **Tổng thu nhập của Quỹ** | **796.821.918** |
| - Lãi suất tiền gửi được nhận trong kỳ | 537.561.644 |
| - Lãi suất chứng chỉ tiền gửi trong kỳ | 259.260.274 |
| **Tổng chi phí của Quỹ** | **449.380.082** |
| **Tổng lợi nhuận của Quỹ tại ngày 30/06/2019** | **347.441.836** |

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận:

Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tại thời điểm 30/06/2019** |
| Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 0,90% |
| Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 0,56% |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ (%) | 0,71% |
| Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 0,38% |
| Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)  | 0,29% |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 2,91% |

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tốc độ vòng quay danh mục** | **30/06/2019** |
| Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ cuối Quý II/2019 | 64,79% |

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

1. trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm) là 2.3%, trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng lợi nhuận** | **Lợi nhuận đã****thực hiện****(VNĐ)** | **Lợi nhuận chưa thực hiện****(VNĐ)** | **Tổng****(VNĐ)** |
| Trong thời hạn từ ngày thành lập Quỹ 03/04/2019 đến ngày 30/06/2019 | 347.441.836 | 0 | 347.441.836 |

1. trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): Không có
2. trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): Không có

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi ngân hàng giám sát Standard Chartered bank (Vietnam) Limited.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được HNX cung cấp.

d) Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trong quá khứ chỉ mang tính chất tham khảo và không có hàm ý hay cam kết việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà Đầu Tư trong tương lai.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Do mới thành lập từ tháng 4/2019 nên Quỹ vẫn đang trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm đạt được Mục tiêu đầu tư đề ra trong Bản cáo bạch Quỹ (Mục tiêu của Quỹ là tăng trưởng vốn trung và dài hạn)

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):

- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này

- Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX. Kết quả so sánh chi tiết như sau:

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này

- Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX, tuy nhiên do Quỹ mới thành lập từ ngày 03/04/2019 nên chưa đủ số liệu để so sánh cho phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Quỹ CBPF vẫn giữ nguyên chiến lược đầu tư đã công bố trong Bản cáo bạch Quỹ và dự kiến sẽ nâng cao tỷ trọng đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao và các chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính có lãi suất thấp.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ cấu danh mục đầu tư** | **CBPF** |
| **30/06/2019** | **30/06/2018** |
| Tiền mặt | 40.691.046.162 | N/A |
| Chứng chỉ tiền gửi | 20.000.000.000 | N/A |
| Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | 40.000.000.000 | N/A |
| Tài sản khác | 758.246.576 | N/A |
| **Tổng cộng** | **101.449.292.738** | **N/A** |

N/A: Do Quỹ chỉ bắt đầu hoạt động sau ngày giấy phép thành lập quỹ 03/04/2019 nên không có số liệu của năm liền kề để so sánh

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư

 - NAV/đơn vị quỹ tại ngày định giá đầu tiên 10/04/2019 là 9.997,36 VNĐ

 - NAV/đơn vị quỹ tại thời điểm 30/06/2019 là 10,054.97 VNĐ tăng 0,57%

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)…:

Kinh tế vĩ mô:

Tăng trưởng GDP: GDP trong 6 tháng đầu năm ước tính tăng 6,76% YoY, thấp hơn cùng kì năm 2018 nhưng cao vượt trội hơn so với tăng trưởng 6 tháng các năm từ 2011 – 2017. Việt Nam vẫn là nước có tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực.  GDP đang có xu hướng tăng tưởng chậm lại qua các quý (6,71% so với 6,79%). Nguyên nhân chủ yếu là: về phía cung, ngành dịch vụ mặc dù dư địa tăng trưởng lớn nhưng 6 tháng đầu năm chỉ tăng trưởng thấp hơn GDP, nông nghiệp tăng trưởng yếu. Về phía cầu, tiến độ giải ngân đầu tư công và vốn ODA vẫn chậm, tăng trưởng xuất khẩu có xu hướng giảm mặc dù hiệp định CPTPP đã có hiệu lực.

Lạm phát: Trong quý I và đầu quý II đã có nhiều đợt tăng giá xăng dầu liên tiếp tổng cộng lên đến gần 20% và tăng giá điện 8,36%. Tuy nhiên, bình quân lạm phát 6 tháng chỉ là 2,64%, thấp nhất trong 3 năm gần đây. Nguyên nhân là do giá của một số mặt hàng thiết yếu và các mặt hàng thuộc quản lý của Nhà nước tăng chậm đã triệt tiêu phần nào tác động của tăng giá điện và xăng dầu. Tuy vậy, tác động "vòng 2" của việc tăng giá điện và xăng dầu vẫn còn đe dọa trong các quý sắp tới đặc biệt trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới có nhiều biến động mạnh. Dự báo lạm phát bình quân năm 2019 ở mức kiểm soát dưới 4,0% tạo tiền đề cho Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt.

Chính sách tiển tệ của Ngân hàng nhà nước nửa đầu năm 2019 vẫn xoay quanh 2 mục tiêu ổn định tỉ giá và kiềm chế lạm phát.

Tỷ giá hối đoái: Sau khi giao dịch trong biên độ hẹp quanh ngưỡng 23.200 trong 4 tháng đầu năm, VND biến động mạnh hơn trong tháng 5 với việc xác lập mức thấp mới 23.419 trong bối cảnh căng thẳng thương mại leo thang với đồng CNY giảm mạnh so với USD. Dù vậy, VND đã ổn định trở lại và đang giao dịch ở ngưỡng 23.300 (+0,6% YTD) sau khi NHNN chủ động điều tiết cung cầu ngoại tệ và nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ FDI và FII.

Các điểm nhấn kinh tế khác trong 6 tháng đầu năm 2019

PMI sản xuất trở lại mức cao nhất kể từ đầu năm. PMI đạt 52.5 điểm trong tháng 6

Trung Quốc trở thành nhà đầu tư FDI lớn nhất trong 6T 2019 Với FDI giải 9.1 tỷ USD (tăng 8,1% YoY)

Xuất khẩu tăng tốc trong Quý 2 nhờ nhóm hàng công nghệ.

Thị trường chứng khoán:

TTCK Việt Nam và thế giới tăng điểm mạnh trong quý 1/2019 cả về giá trị và mức độ tăng điểm. Chỉ số VN-Index đạt đỉnh vào giữa tháng 3 sau đó đi vào giai đoạn suy giảm với thanh khoản thấp cho đến cuối Quý II.  Kết thúc Quý II thị trường đóng cửa quanh mốc 950 điểm.

Thị trường TPCP Việt Nam trong 6 tháng đầu năm trải qua sự sụt giảm so với cuối năm 2018 về lợi suất do thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng. Điều này góp phần làm việc hấp thụ đấu giá trái phiếu thuận lợi hơn. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp diễn biến cùng chiều với thị trường sơ cấp, với sự sụt giảm khoảng 30 – 80 bps so với thời điểm tháng 12/2018 trong đó mạnh nhất là kỳ hạn 1 năm

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách):

Quỹ không thực hiện việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 30/06/2019 tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của người có liên quan là 99,16%

m) Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát: Nội dung như trình bày trong báo cáo giám sát của Ngân hàng Standard Chartered bank Vietnam Limited.

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: Từ 03/04/2019 đến ngày 30/06/2019

Trong báo cáo này, Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF) gồm các nội dung sau:

1. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch

Trong giai đoạn từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “Quỹ trái phiếu là quỹ mở đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 10 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 05 năm 2019, tổng giá trị đầu tư vào giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

Tại kỳ định giá ngày 29 tháng 05 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định tại Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ cho các sai lệch phát sinh từ kỳ định giá ngày 10 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 05 năm 2019.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, do số lượng tiền đặt mua chứng chỉ Quỹ lớn, tuy nhiên Công ty Quản lý Quỹ chưa kịp thời tiến hành đầu tư dẫn tới tổng giá trị đầu tư vào giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

1. Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Trong giai đoạn từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Các dịch vụ Lưu ký tài sản của Quỹ, dịch vụ Giám sát, dịch vụ Quản trị Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Ban Vietnam Limited. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Chi tiết chi phí như sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi phí hoạt động Quỹ mở** | **Kỳ báo cáo 03/04/2019 – 30/06/2019** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động** |
| 1. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở | 34.033.333 | 9,80% | 7,57% |
| 2. Phí dịch vụ giám sát | 51.626.667 | 14,86% | 11,49% |
| 3. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở | 85.506.667 | 24,61% | 19,03% |
| 4. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng | 24.566.666 | 7,07% | 5,47% |

b) Các hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng tới lợi nhuận và mức độ rủi ro của quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Tổng chi phí trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) cho dịch vụ ủy quyền là: 195.733.333 VNĐ

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên nhận ủy quyền** | **Số tiền** |
| Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) | 171.166.667 |
| Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) | 24.566.666 |
| **Tổng cộng (VND)** | **195.733.333** |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư:

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý quỹ, bên nhận Ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa...bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TP.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2019****Giám đốc Công ty quản lý quỹ****Lê Thị Hồng Thái** |